

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2021
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đẻ.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2021/QĐST-DS ngày 09/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đ, sinh năm 1979; (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh T, sinh năm: 1982; (Vắng mặt lần 02 không lý do)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đ trình bày: Chị Đ và anh T sống chung như vợ chồng từ năm 2004, đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M. Do cuộc sống ngày càng khó khăn, địa phương không có việc làm nên năm 2016 anh T đi làm thuê nơi khác vài tháng về một lần. Từ năm 2020 mỗi khi anh về thì nói làm không có tiền, cũng không chịu làm thuê tại địa phương, mỗi khi đi còn kêu chị

phải đưa tiền để đi. Mặc dù chị đã khuyên nhưng anh T không nghe, chị không còn lòng tin đối với anh T. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Anh chị có 04 người con chung là S, sinh ngày 08/02/2006, Y, sinh ngày 10/11/2008, C, sinh ngày 02/7/2011, K, sinh ngày 07/10/2014; hiện các con đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi các con. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ và giao 04 người con cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đ yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Đ yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn và nuôi con*”.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2007 anh T và chị Đ đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và anh T đi làm xa ít khi về nhà; khi về cũng không mang tiền về phụ chị Đ nuôi con mà khi đi chị Đ còn phải đưa tiền để đi. Nhiều lần như vậy chị Đ khuyên ngăn ở nhà, làm thuê tại địa phương nhưng anh T không đồng ý, từ đó mâu thuẫn trầm trọng, anh T đi thời gian dài không về nhà, bỏ chị Đ và các con ở nhà, không quan tâm.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T vắng mặt nên không hòa giải được. Anh chị là vợ chồng nhưng mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị Đ được ly hôn với anh T.

[3] Anh chị có 04 người con chung là S, sinh ngày 08/02/2006, Y, sinh ngày 10/11/2008, C, sinh ngày 02/7/2011, K, sinh ngày 07/10/2014. Hiện tại đều đang sống chung với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và các con của anh chị cũng có nguyện vọng sống với chị Đ. Việc giao cả 04 người con cho chị Đ nuôi là rất khó khăn cho chị Đ, nhưng Tòa án không làm việc được với anh T và không nhận được văn bản thể hiện ý kiến của anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ giao 04 người con chung của anh chị cho chị Đ nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị Đ nhưng chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Đ trình bày không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh T. Chị Đ được ly hôn với anh T.

2- Về con chung: Giao S, sinh ngày 08/02/2006, Y, sinh ngày 10/11/2008, C, sinh ngày 02/7/2011, K, sinh ngày 07/10/2014 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị Đ vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Đ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006395 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận